

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 Tháng Năm 2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết	9 Tháng	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		7.475.870.530	15.519.073.926
2. Điều chỉnh cho các khoản			33.477.180.534	53.682.167.335
- Khấu hao TSCĐ	2		13.506.307.270	23.427.938.640
- Các khoản dự phòng	3		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(224.608.047)	(17.550.819)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(483.493.845)	(7.388.023.878)
- Chi phí lãi vay	6		20.678.975.156	37.659.803.392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		40.953.051.064	69.201.241.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(47.278.816.745)	99.323.586.786
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.971.369.439)	(61.896.692.435)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.663.402.685	(21.304.276.932)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.573.561.889)	3.342.897.336
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19.196.212.519)	(37.765.777.337)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.866.369.396)	(4.345.557.051)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		131.364.809	25.212.610
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.520.996.016)	(7.472.886.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.659.507.446)	39.107.747.589
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.263.254.026)	(28.911.396.556)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		120.000.000	2.463.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của Đv khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		534.621.239	4.924.923.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(608.632.787)	(21.523.372.678)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	9 Tháng	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành CP, vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.205.409.211.769	1.403.702.287.459
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.233.600.727.466)	(1.360.357.125.011)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.780.314.400)	(30.563.482.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.971.830.097)	12.781.679.948
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(73.239.970.330)	30.366.054.859
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		127.464.030.243	97.097.975.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		5.295.182	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		54.229.355.095	127.464.030.243

Lập, ngày 07 tháng 10 năm 2013

Lập biểu



Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng



Dương Minh Chính

Tổng Giám Đốc



Hoàng Ngọc Oanh